



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Huu Suif
Last Middle First

Current Address: 43 Xuan An, P 3, Dalat, Lam Dong

Date of Birth: 09/13/44 Place of Birth: Binh Tri Thien

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/04/75 To 06/28/81
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Le Huy Tuan

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



CONG-HÒA Năm một ngàn chín trăm năm mươi chín
 TRUNG PHẢN ngày mười chín tháng tám hồi 10 giờ
 trước mặt chúng tôi là Huỳnh-Như-Văn
 Thẩm Phán Tòa Hòa Giải Việt-Nam.
 ngồi tại văn phòng ở Tòa Hòa-Giải Hội-An
 có Lục Sự NGUYỄN TRƯ giúp việc.
 Số 6520 / T. A

ĐÃ ĐẾN HẦU

NGUYỄN TH 34 tuổi, nghề nghiệp làm nông
 chánh quán làng Giảng-La, Diên-Bàn, Quảng-Nam
 trú quán làng Kỳ-Minh, Diên-Bàn, Quảng-Nam
 thẻ chứng chỉ khai-sinh số 2065 ngày 6.5.1958
 do Tòa Hòa giải H.Q. Đà Lạt cấp.

Thỉnh cầu Tòa Án cấp một chứng chỉ thay giấy Chứng chỉ khai-sinh cho
con y sanh ngày 4.1.1953 tại Giảng-La, Kỳ-Minh, Diên
Bàn, Quảng-Nam theo như đơn đề tại bản Tòa ngày 19.8.1959
 Đương sự có ba người nhận chứng sau đây đề chứng thực lời khai của y

- (1) O. HOANG TRAN 51 tuổi, làm nông, tờ khai căn-cước số A.0045
 ngày 3.10.1955 do Quận Diên-Bàn cấp, chánh trú quán Diên-Bàn,
Diên-Bàn, Quảng-Nam.
- (2) O. DINH AT 45 tuổi, làm công, tờ khai căn-cước số A.002499
 Ngày 24.8.1955 do HUỖC Hai-Chân cấp, chánh quán Nhi-Lưu,
Vinh-Kuân, Diên-Bàn, Quảng-Nam,
- (3) B. HẠC THI GIANG 37 tuổi, làm nông, tờ khai căn-cước số B.0651
 ngày 26.8.1955 do Quận Diên-Bàn cấp, Chánh trú quán Nhi-Lưu,
Diên-Bàn, Quảng-Nam.

những nhân chứng này đã tuyên thệ và quả quyết biết chắc tên

Nguyễn-Thị-Tuyết-Anh, Quốc-Tịch Việt-Nam, sanh ngày BUN THANG
GIENG NAM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BA(4.1.1953) tại làng
Giảng-La, xã Kỳ-Minh Quận Diên-Bàn, Tỉnh Quảng-Nam, con gái Ông
Nguyễn-Thị và bà Nguyễn-Thị-Huông vợ chánh thất.

Vi duyên có m

không thể xin sao lục

được là vì số hộ tịch nơi sanh quán của con y bị phá hủy bởi những
biến cố chiến tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy chứng chỉ thay giấy
khải sanh NGUYỄN-THI-THUYET này cho tên

chiếu theo các điều 47, 48 H V H L

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục sự sau khi đọc lại

LỤC-SỰ

THẨM-PHÁN

Ký tên Nguyễn Tra

Ký tên NGUYỄN HUU VAN

Những người làm chứng

Người đứng xin

1) ký tên Hoàn-Trần số T nấp lại ở nhà đơn ký tên NGUYỄN THI

2) ký tên Đình-át Hiện là phi trước bạ và con niên chiếu điều
15 Nghị Định số 742/SQ ngày 17.11.1947
Thẩm Phán ký tên

3) Mạc-Thị-Giao lần tay Trước bạ tại Hội-An (saifo)

ngày 14 tháng 8 năm 1959

Quyển 33 tờ 70 số 3644

Thau 2 Hien

THƯỜNG TỬ-THUẬN VỤ HON HOP

ký tên và đóng dấu

SAO Y CHÍNH LAM

Tôn-trủ tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Hội-An

Hội-An ngày 5 tháng 9 năm 1972



THU LỆ PHÍ
CẤP NƠI 400 340 154



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÃ SỐ 127

Trần Phước
Quận Đalat
Xã, Tỉnh Lâm Đồng

BẢN SAO

Số 127

Quyển Số ---

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	LÊ THỊ THANH - BÌNH Nam, NG	
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi bốn tháng Tư năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm (24.4.1975)	
Nơi Sinh	Dân Y Viện Đalat	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Sinh 13.9.1944	Nguyễn Thị Tuyết Anh 02.11.1953
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Làm rẫy 43 Xuân An Phước Đalat	Giáo viên 43 Xuân An Phước Đalat
Họ, t/n, tuổi nơi ĐKKK thường trú. số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 24 tuổi, 43 Xuân An Phước Đalat, Lâm Đồng. Giấy chứng minh nhân dân số 250029951.	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đứng ký ngày 4 tháng 6 năm 1976

Ngày 4 tháng 6 năm 1976

(K) m, đóng dấu ghi rõ chức vụ

TM/UBND --- ký tên đóng dấu



CHỦ TỊCH
THỦ KÝ

Nguyễn Thị Thanh Hương



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MẬT KHIẾM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tên họ: Lê Xuân Vinh
 Họ: Lê
 Tên: Xuân Vinh
 Số. Tỉnh: Đắk Lắk

BẢN SAO

Số: 248Quyển số: 2

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	<u>LÊ XUÂN-VINH</u> Nam. <u>24</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười ba tháng tư năm một nghìn chín trăm tám mươi hai (13.4.1982)</u>	
Nơi Sinh	<u>Nhà Hồ sinh Khoa vũ I</u> <u>Thành phố Đalat</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Xuân Sinh</u> <u>15.9.1944</u>	<u>Nguyễn Thị Tuyết Anh</u> <u>07.11.1953</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Lão rẫy</u> <u>43 Xuân An</u> <u>Phước Đức Đalat</u>	<u>Giáo viên</u> <u>43 Xuân An</u> <u>Phước Đức Đalat</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú. số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Tuyết Anh, 24 tuổi - 43</u> <u>Xuân An Phước Đức Đalat - Lâm Đồng</u> <u>Giấy chứng minh Nhân dân</u> <u>số 2502.9955</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 3 tháng 5 năm 1982Ngày 24 tháng 2 năm 1988

(K: a, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TAY/UBND 2 ký tên đóng dấuCHỦ TỊCH
ỦY THỦ-KY

Nguyễn Thị Kim Hương



CONG-HÒA

Năm một ngàn chín trăm

năm mươi chín

TRUNG PHẦN

ngày

mười chín

tháng

tám

hồi

10 giờ

trước mặt chúng tôi là

Huỳnh-Huỳnh-Văn

năm 19

Thẩm Phán Tòa Hòa Giải Việt-Nam.

THAY GIẤY

ngồi tại văn phòng ở Tòa Hòa-Giải

Hội-An

có Lục Sư

NGUYỄN TRẠ

giúp việc.

Số

6520

T.T.A

ĐÃ ĐẾN HẦU

tuổi, nghề nghiệp

lăm nông

chánh quán làng

Giảng-La, Diên-Bàn, Quảng-Nam

trú quán làng

Kỳ-Minh, Diên-Bàn, Quảng-Nam

thẻ chứng chỉ khai-sanh

số

2045

ngày

6.5.1958

do

Tòa Hòa giải H.Q. Đalat

cấp.

Thỉnh cầu Tòa Án cấp một chứng chỉ thay giấy

Chứng chỉ khai-sanh cho

con y sanh

ngày

4.1.1953

tại

Giảng-La, Kỳ-Minh, Diên-Bàn, Quảng-Nam

theo như đơn đề tại bản Tòa ngày

19.8.1959

(1)

Đương sự có ba người nhận chứng sau đây để chứng thực lời khai của y

(1)

O. HOANG TRAM 51 tuổi, làm nông, tờ khai căn-cước số A.0045

ngày 3.10.1955 do Quận Diên-Bàn cấp, chánh trú quán Diên-Sơn, Diên-Bàn, Quảng-Nam.

(2)

O. DINH AT 45 tuổi, làm công, tờ khai căn-cước số A.002499

Ngày 24.8.1955 do HUYỆN Hai-Châm cấp, chánh quán Nhi-Lưu, Vĩnh-Buôn, Diên-Bàn, Quảng-Nam,

(3)

B. HAO THI GIANG 37 tuổi, làm nông, tờ khai căn-cước số B.0651

ngày 26.8.1955 do Quận Diên-Bàn Cấp, Chánh trú quán Nhi-Lưu, Diên-Bàn, Quảng-Nam.

những nhân chứng này đã tuyên thệ và quả quyết biết chắc tên

Nguyễn-Thị-Tuyết-Anh, Quốc-Tịch Việt-Nam, sanh ngày ĐON THANG

GIANG NAM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BA(4.1.1953) tại làng

Giảng-La, xã Kỳ-Minh Quận Diên-Bàn, Tỉnh Quảng-Nam, con gái Ông

Nguyễn-Thị và bà Nguyễn-Thị-Hương vợ chánh thất.

Vi duyên có m

O NGUYEN THI

không thể xin sao lục

KHAI SANHCHO Y

được là vì

số hộ tịch nơi sanh quán của con y bị phá hủy, với những

biên có chiến tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy chứng chỉ thay giấy

khai sanh NGUYEN-THI-THUYET này cho tên

chiếu theo các điều 47, 48 H V H L

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục sự sau khi đọc lại

LỤC-SỰ

THÂM-PHÂN

Ký tên Nguyen Tra

Ký tên HUYNH MIU VAN

Những người làm chứng

Người đứng xin

1) ký tên Hoàn-Trần có T nđ lại ở ở nhà của ký tên NGUYEN THI

2) ký tên Đình-ất Hiện ở phủ trước bà và con niên chiếu điều 15 Nghị Định số 742/SQ ngày 17.11.1947

3) Học-Thị-Diao lần tay Trước bà tại Hội-An (Saifoo)

ngày 14 tháng 8 năm 1959

Quyển 33 tờ 78 số 3644

Tham & Hien

THƯỜNG TỬ-THUÊ VU HON HOP

ký tên và đóng dấu

BAO Y CHÁNH BÀN

Tôn-trủ tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Hội-An

Hội-An ngày 5 tháng 9 năm 1972



THỦ LỆ-PHÍ
CÁP NỘI 44-340159



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÃ SỐ 000000

Trần Thị Thanh Bình
Quận Đà Lạt
Xã, Tỉnh Lâm Đồng

BẢN SAO

Số 127

Quyền Sĩ

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	LÊ THỊ THANH BÌNH Nam, NG	
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi bốn tháng tư năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm (24.4.1975)	
Nơi Sinh	Dân Y viên Đà Lạt	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Sinh 13.9.1944	Nguyễn T. Tuyết Anh 07.01.1952
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm rẫy	Giáo viên
Nơi ĐKKK thường trú	43 Xuân An Phường 2 Đà Lạt	43 Xuân An Phường 2 Đà Lạt
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú. số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 29 tuổi, 43 Xuân An, Phường 2 Đà Lạt, Lâm Đồng. Giấy chứng minh nhân dân số 25002955.	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24 tháng 5 năm 1978

Đứng ký ngày 4 tháng 6 năm 1978

(K) : m, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Ph ký lên đóng dấu



TP. ĐÀ LẠT
CHỦ TỊCH
THỊ KH

Nguyễn Thị Hương



AN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MẮT HƯNG

Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Tên họ: Lê Xuân Vinh
 Quê: Đăk Lăk
 Xã: Thị trấn Tân Hưng

BẢN SAO

Số: 248Quyển số: 2

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	<u>LÊ XUÂN-VINH</u> Nam, <u>13</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Mười ba tháng tư năm một nghìn chín trăm tám mươi hai (13.4.1982)</u>	
Nơi Sinh	<u>Nhà hộ sinh kelas của I. Thanh phố Đăk Lăk</u>	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Xuân Sinh</u> <u>13.9.1944</u>	<u>Nguyễn Thị Tuyết Anh</u> <u>09.11.1953</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Lâm nghiệp</u> <u>43 Xuân An</u> <u>Phước Ninh Đăk Lăk</u>	<u>Giáo viên</u> <u>43 Xuân An</u> <u>Phước Ninh Đăk Lăk</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số Giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Tuyết Anh, 29 tuổi - 43 Xuân An Phước Ninh Đăk Lăk - Lâm Đồng</u> <u>Giấy chứng minh Nhân dân số 15022 995T</u>	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 3 tháng 5 năm 1982Ngày 24 tháng 2 năm 1988

(K: m, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TÀI/UBND 6 lý nhân đóng dấu

Nguyễn Thị Kim Hương
 Ủy viên Ủy ban nhân dân xã

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy.

Ngày hai Tháng Mười

Trước mặt chúng tôi là NGÔ-ĐÌNH-HOÀNG, Quản-Trưởng kiêm Thẩm

Phán-Tòa-Hòa-giải Quận-Triệu-phong.

Có ÔNG NGUYỄN-VĂN-BẮT

Lục-sự ngồi giúp việc.

Có (Tên tuổi và họ tên chỉ nguyên đơn) NGUYỄN-THỊ-QUÝT, 47 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận-Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, thẻ kiểm-tra số T41.0052/108.000096 cấp tại Triệu-phong, ngày 14.8.1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của con y.

được vì lẽ Bố Hệ-tịch nơi sanh quán bị thất-lạc và biến-cố chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản-Tòa bằng ào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quán-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên bản thay thế chứng-thu hồ-tịch nói trên,

Liền đó có đến trình diện:

1) LÊ-BẮC-TRẠC, 59 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận-Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, thẻ kiểm-tra số T41.0052/98A.000.055 cấp tại Triệu-phong, ngày 14.8.1955.

2) LÊ-QUANG-DIEM, 40 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận-Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, thẻ kiểm-tra số T41.0052/176.000119 cấp tại Triệu-phong ngày 03.3.1957 (Bổn-nhi)

3) LÊ-BẮC-THUC, 54 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận-Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, thẻ kiểm-tra số T41.0052/03DA.000240 cấp tại Triệu-phong, ngày 14.8.1955.

Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội nguy c. ứng việc HỒ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng:

LÊ-THỊ-DO, con gái, Việt-tịch, đã sinh ngày Một, tháng Hai, năm một ngàn chín trăm ba mươi tám (01.2.1938).

LÊ-HỮU-SINH, con trai, Việt-tịch, đã sinh ngày Mười ba, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn, (13.9.1944).

LÊ-THỊ-HƯƠNG, con gái Việt-tịch, đã sanh ngày Hai mươi, tháng bốn, năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu, (20.4.1946) đều sinh tại Bích-la-dông, Quận-Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, con của Ông LÊ-HỮU-TIẾN (chết) và bà NGUYỄN-THỊ-QUÝT 47 tuổi (sống).

Hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của các con y.
nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

chiếu giấy, **thẻ kiểm-tra số T4I.0052/000004 cấp tại Quận
Triệu-phong, ngày 18.6.1956.**

Hội này Bản Tòa chấp theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48
Trung-Việt Hộ-huật lập biên bản đề cho **Khai-sinh của các con
y là : LÊ-THỊ-DO, LÊ-HUU-SINH, LÊ-THỊ-HUONG, cấp cho NGUYỄN
THỊ-QUYT.**

theo như đơn xin đã đệ tại bản Tòa ngày **20.9.1957.**

Làm tại Tòa **Triệu-phong** ngày, tháng, năm như trên, sau
đã đọc lại, đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với
chúng tôi và Ông Lạc sự.

Lạc-Sự

Chánh-án

Đã ký : **NGUYỄN-VAN-BAT**

Đã ký : **NGO-DINH-HOANG**

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Đã ký : **LÊ-BÁ-TRAO**

Đã ký : **NGUYỄN-THỊ-QUYT**

Đã ký : **LÊ-CANH-DIAM, LÊ-Bá-Thưc**

Trước-hạ tại Huế

Ngày 15 tháng 10 năm 1957

Quyển 15 tờ 78 số 2400

Thần :

CHỦ - SỰ

SAO Y CHÍNH BẢN

Ký tên : **PHAN-VAN-DAT**

Triệu-phong, ngày 11 tháng 5 năm 1964

XÁC NHẬN CÔNG Y ĐÀI CHÍNH

Số xác : ... UBND Quận 11

5-2-64

CHỦ VĂN

Nguyễn Văn Tín

SỞ TƯ- PHÁP HUẾ

Việc theo lý số 973

BIÊN BẢN THẺ VÌ KHAI-SINH

Ngày 02/10/1957.

Cá: LÊ-THỊ-DO, LÊ-HỮU-SINH, LÊ-THỊ-HƯƠNG.

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy.

Ngày hai Tháng Mười

Trước mặt chúng tôi là NGÔ-BÌNH-HOÀNG, Quận-Trưởng kiêm ThẩmPhán-Tòa-Hòa giải Quận Triệu-phong.có Ông. NGUYỄN-VĂN-BẮT

Lục-sự ngồi giúp việc.

có (Tên tuổi và họ tên chỉ nguyên đơn) NGUYỄN-THỊ-QUÝT, 47 tuổi,
trú tại Bích-la-dông, Quận Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, the
kiểm-tra số T41.0052/10B.000096 cấp tại Triệu-phong, ngày
14.8.1955.đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của con
y.được vì là Số Hộ-tịch nơi sanh quán bị thất-lạc và biến-cổ
chiến-tranh.nên yêu cầu Bản Tòa bằng áo lời khai của nhân chứng có tên tuổi
quản-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên bản thay thế chứng-thu
hộ-tịch nói trên.

Liên đó có đến trình diện:

1) LÊ-BẮC-TRẠC, 59 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận Triệu-
phong, Tỉnh Quang-trị, the kiểm-tra số T41.0052/98A.000.
055 cấp tại Triệu-phong, ngày 14.8.1955.2) LÊ-QUANG-DIỂM, 40 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận
Triệu-phong, Tỉnh Quang-trị, the kiểm-tra số T41.0052/17C
000119 cấp tại Triệu-phong ngày 03.3.1957 (Bổn-nhi)3) LÊ-BẮC-THUOC, 54 tuổi, trú tại Bích-la-dông, Quận Triệu-
phong, Tỉnh Quang-trị, the kiểm-tra số T41.0052/33DA.000240
cấp tại Triệu-phong, ngày 14.8.1955.Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các
điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội nguy c. ứng việc HỘ, đã tuyên thệ
và chứng thật có biết rằng:LÊ-THỊ-DO, con gái, Việt-tịch, đã sinh ngày Một,
tháng Hai, năm một ngàn chín trăm ba mươi tám (01.2.1938).LÊ-HỮU-SINH, con trai, Việt-tịch, đã sinh ngày
Mười ba, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn,
(13.9.1944).LÊ-THỊ-HƯƠNG, con gái Việt-tịch, đã sanh ngày
Hai mươi, tháng bốn, năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu,
(0.4.1946) đều sinh tại Bích-la-dông, Quận Triệu-phong,
Tỉnh Quang-trị, con của Ông LÊ-HỮU-TIẾN (chết) và bà NGUYỄN-
THỊ-QUÝT 47 tuổi (sống).

.....

Hiện nay đương-sự không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của các con y.
nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

chiếu giấy, thẻ kiểm-tra số T4I.0052/000004 cấp tại Quận
Triệu-phong, ngày 18.6.1956.

Bởi vậy Bản Tòa chức theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48
Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản đề thế vị Khai-sinh của các con
y là : LÊ-THỊ-DO, LÊ-HUU-SINH, LÊ-THỊ-HUONG, cấp cho NGUYỄN
THỊ-QUYT.

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 20.9.1957.

Làm tại Tòa Triệu-phong ngày, tháng, năm như trên, sau
khi đọc lại, đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với
chúng tôi và Ông Lục sự.

Lục-Sự

Chánh-án

Đã ký : NGUYỄN-VAN-BAT

Đã ký : NGO-ĐINH-HOÀNG

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Đã ký : LÊ-BÁ-TRAO

Đã ký : NGUYỄN-THỊ-QUYT

Đã ký : LÊ-CANH-DIEM, LÊ-Bá-Thưc

Đương-sự tại Huế

Ngày 15 tháng 10 năm 1957

Quyển 15 tờ 78, 6 3400

Thầu :

CHỦ - SỰ

SAO Y CHÍNH BẢN

Ký tên : PHAN-VAN-DẬT

Triệu-phong, ngày 11 tháng 5 năm 1964.

XÁC ĐỊNH CÔNG VIỆC CHÍNH

Số 15/10/1957

5.11.1958

PHÓ VĂN CHỨC

Nguyễn Văn Tín





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 250.272.087

Họ tên: LÊ HỮU SINH



Sinh ngày 13-9-1966

Nguyên quán: Bích động

Triệu hai, Bình trị thiên

Nơi thường trú: 43 Xuân an

Đà Lạt, Lâm đồng

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo :

Không

CON TRỎ TRÁI

Nốt ruồi C.1,5CM trên
trước mép phải

CON TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 9 năm 1984

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Phạm Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 250.272.087

Họ tên LÊ HỮU SINH



Sinh ngày 13-9-1944

Nguyên quán Bích đông

Triệu hai, Bình trí thiên

Nơi thường trú 43 Xuân an

Đa lạt, Lâm đồng

Lưu hồ

Kính

Tôn giáo :

Không

TRÌNH HOẶC DI HÌNH

GON TRỎ TRAI

Nốt ruồi C.1,5CM trên
trước mép phải

NGON TRỎ PHẢI

Ngày 21 tháng 9 năm 1984

TH/ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Phạm Diêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 250029355

Họ tên

NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH

Sinh ngày

04-01-1953

Nguyên quán

Điện thọ

Điệnban, Qnam, Đà nẵng

Nơi thường trú

43, Xuân an

Đà Lạt, Lâm đồng



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT MÃNG HOẶC DI HÌNH

CHỖ TRỎ TRÁI

Sẹo tron 0,4CM C3CM
trên sau đuôi máy
phải.

CHỖ TRỎ PHẢI

Ngày 20 tháng 6 năm 1978

KIỂM GIAM ĐỌC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHOTO TRƯỞNG TY

[Signature]

Ngo. Thoi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 250020855

Họ tên

NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH

Sinh ngày

04-01-1953

Nguyên quán

Điện thọ

Điện ban, Qnam, Đà Nẵng

Nơi thường trú

43, Xuân an

Đà Lạt, Lâm đồng



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

GẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

GÕN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,4CM C3CM
trên sau đuôi máy
phải.

NGÕN TRỎ PHẢI

Ngày 20 tháng 6 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHOTO TRƯỞNG TY



Ngô Thị

ĐƠN LẬP HÔN GIẤY HÔN THỦ TRỄ HẠN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Phường 3 (Ban Tư Pháp)

Tôi tên: LÊ HỮU SINH, sinh ngày 13/7/1944; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250272057 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 21 tháng 9 năm 1984.

Cùng vợ là NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH, sinh ngày 4/1/1953, nguyên quán Quảng Nam; giấy CMND số 250029955 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 20/6/1978.

Vợ chồng chúng tôi thường trú tại: 43 Xuân An - Phường 3 - TP. Đà Lạt.

Trân trọng kính trình quý cơ quan:

Vợ chồng chúng tôi đã làm lễ cưới ngày 15/2/1974 (nhằm ngày 24 tháng 01 Giáp Dần) tại số 43 Xuân An, và sau đó đã làm giấy hôn thú đã sống với nhau 14 năm qua và đã có chung 2 đứa con.

Nhưng vì biến cố chiến tranh, phải chạy thoát thân đêm 2/4/1975 nên đã làm mất giấy hôn thú và các giấy tờ khác tại một địa điểm trên quốc lộ 1 cách thị xã Phan thiết khoảng 20 km về phía Nam.

Vợ chồng chúng tôi nhờ ba người có mặt trong ngày cưới và biết rõ hoàn cảnh của chúng tôi làm chứng.

• Người chứng thứ nhất: Ông LÊ BÁ VINH, sinh ngày 24/9/1937; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042616 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 27/7/1976.

• Người chứng thứ hai: Ông CAO YẾT, sinh ngày 4/5/1937; nguyên quán Huế; giấy CMND số 250316494 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 2/10/1987.

• Người chứng thứ 3: Bà HUYỀN THỊ LANH, sinh ngày 8/2/1942; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042343 do Ty công an Lâm Đồng cấp ngày 23/7/1978.

Vậy, chúng tôi làm đơn này kính tri quý cơ quan được rõ và cho phép chúng tôi được lập bản hôn thú trễ hạn để tiện dùng sau này.

Trân trọng kính chào.

Người làm chứng
(đã ký)

Thứ nhất: LÊ BÁ VINH

Thứ hai: CAO YẾT

Thứ ba: HUYỀN THỊ LANH

Xác nhận của Tổ dân phố

Vợ chồng anh LÊ HỮU SINH và chị NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH cùng sống chung trong 1 hộ tại tổ Dân phố chúng tôi.

TP. TỔ DÂN PHỐ PHƯƠNG III

Đã ký: LÊ SỸ

Đà Lạt, ngày 8 tháng 9 năm 1988

Người làm đơn

(đã ký)

Chồng: LÊ HỮU SINH

Vợ: NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH

UBND. PHƯỜNG 3 CHỨNG THỰC:

Ô. LÊ HỮU SINH và B. NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH, hiện đang sống chung với 02 người con thường trú tại P.3.

Đà Lạt, ngày 9 tháng 9 năm 1988

TH. UBND PHƯỜNG III

KT. CHU TÍNH - PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: BÙI VĂN PHONG

SÁO Y BẢN CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh
Lâm Đồng, ngày 18 tháng 11 năm 1978
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
UV. THƯ XỨ



Công và là người thi tuyển
Quảng Nam; ngày 11/11/78
Vụ công an tỉnh
Trên trong kinh doanh
Vụ công an tỉnh đã làm
thành (điệp đơn) tại số 13 Xuân An, và sau đó đã làm giấy
đã công với nhân là năm qua và đã có chứng 2 đơn con.
Nhưng vì diện có chiến tranh, phải chạy thoát thân năm 5/1/1975
nên đã làm mất giấy hôn thú và các giấy tờ khác tại một địa
trên quốc lộ 1 cách thị xã Phan Thiết khoảng 20 km về phía Nam.
Vụ công an tỉnh tôi nhớ ra người có mặt trong ngày cưới và diện
rõ hoàn cảnh của chúng tôi làm chứng.
Người chứng thứ nhất: Ông Lê Bá Vinh, sinh ngày 24/9/1937
Nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042616 do Ủy ban
Lâm Đồng cấp ngày 27/7/1978.
Người chứng thứ hai: Ông Cao Yết, sinh ngày 6/2/1937; nguyên
quán Huế; giấy CMND số 25016464 do Ủy ban Lâm Đồng cấp
2/10/1977.
Người chứng thứ ba: Bà Huỳnh Thị Lành, sinh ngày 8/2/1942
Nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042313 do Ủy ban
Lâm Đồng cấp ngày 23/7/1978.
Vậy, chúng tôi làm đơn này kính trình để có được giấy tờ về cho
phép chúng tôi được lập hôn thú trở nên để tiếp tục sau này.
Trên trong kính chúc.

Đã lập, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Người làm đơn
(đã ký)
Ông: **NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH**
Vợ: **NGUYỄN THỊ LÀNH**
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Đã lập, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Người làm đơn
(đã ký)
Ông: **NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH**
Vợ: **NGUYỄN THỊ LÀNH**
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Đã lập, ngày 8 tháng 9 năm 1978
Người làm đơn
(đã ký)
Ông: **NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH**
Vợ: **NGUYỄN THỊ LÀNH**
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Chiếu

- | | | | | | |
|-----|-----------|----------|---------|----------------|-----------|
| Tên | Họ và tên | Cấp bằng | Chức vụ | Ngày nhận việc | Giới tính |
| : | : | : | : | : | : |
| : | : | : | : | : | : |
| : | : | : | : | : | : |

- Bieu 2 :

- Điều 4 :** Thủ trưởng, Phụ tá đặc biệt Tổng Trưởng, Đồng lý văn phòng và Tổng thư ký Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, chiếu nhiệm vụ thi hành Quyết định này ./-

SAIGON, ngày 16 tháng 01 năm 1974
TUN, Tổng trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục và
Thanh niên

Đồng lý văn phòng
Ký tên: NGUYỄN XUÂN HUỆ

Phó ban
Phó Tổng tư ký
ký tên: Phạm đình Thăng

(BỊCH SAO KÍNH GỒI

0. Trương Ty Văn hóa Giáo dục và Thanh niên
" để tổng đạt dương sự "

Balat, ngày 28 tháng 2 năm 1974

Tổng thư ký

Cơ quan Chính quyền tỉnh Tuyên Đức

Ký tên và đóng dấu: TRƯƠNG KHOAI BỬ

Đã ký ngày 10 tháng 10 năm 1988
BỘ TƯ LỆNH
CHỦ TỊCH U.S.N.D
CHỦ TỊCH
K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày 10.11.1974 Hợp tác xã Hòa Tân
hàng chính của xã Hòa - Lân
công nhật B2/1 tổng vụ tại Sở Học Chính
Hội Hòa về 9 nhân viên công nhật khác
các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa
Thanh niên



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
U.S.N.D
PHƯỜNG 3

ÔNG TÊN BẠCH VŨ THANH NIÊN

Thống nhất

U.S.N.D - () INH

- Điều 1 : Về hợp tác xã, nay tuyên dương thật 10 nhân viên
công nhật có tên dưới đây tổng vụ tại các cơ quan thuộc
Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên kể từ ngày chính thức
nhận việc :

ST	HỌ VÀ TÊN	Ngày và nơi sinh	Cấp bậc	Chức vụ	Nhận việc	Quốc tịch
----	-----------	------------------	---------	---------	-----------	-----------

SỞ HỌC CHÍNH TUYÊN MỘC

04:00	Tên thị tịch					
15:08	1950 - Gaiat		00 T2 tại I	TRON B2/2	01.03.1973	
05:00	Nguyễn T. Tuyết Anh		00 T2 tại I	TRON B2/1	01.03.1973	
04:01	1953 - Bân Bân: 12 K 68-52		TRON B2/1			
	Quảng Nam		STB II, 75/20			

Điều 2

- Điều 3 : Lương bổng của các đương sự do Ngân sách Quốc gia
(cơ quan sử dụng đất thế)

- Điều 4 : Thủ trưởng, phụ tá đặc biệt Tổng Giám đốc, Tổng lý văn
phòng và Tổng thư ký Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên,
chịu trách nhiệm vụ tại bản quyết định này .

- Chức vụ công vụ

ngày 14.12.1978
Khu vực ngày 26.12.1973

SAIGON, ngày 16 tháng 01 năm 1974
TUN, Tổng trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục và
Thanh niên

SAO Y HÂN CHÍNH
Cho sự phòng nhân viên
Nhân chính và qui chế
Ký tên và dấu: TRẦN QUANG VỊNH
Ký tên: NGUYỄN XUÂN HUY
Tổng lý văn phòng
Thanh niên

Hội nhân
- Sở Học Chính Tuyên Móc
Ký tên: Phạm Đình Thành
Phó Tổng thư ký

VIỆT NAM CỘNG HÒA
CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN
Số: 0032/THV/P.3

() Nhân Sao Kỉnh Gối
0. Trưởng ty Văn hóa Giáo dục và Thanh niên
" là tổng đại đương sự "
Baiat, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Tổng thư ký
Cơ quan chính quyền tỉnh Tuyên Móc

Số 696 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại Cải tạo A.30 Ty Công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 1017/ĐV3. 5-6-1981-Ty Công an Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: LÊ HỮU SINH — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 13 tháng 09 năm 1944

— Sinh quán: Bích La đông, xã Triệu Thành, Triệu Phong, Bình Trị Thiên

— Trú quán: 43 Khe Mân An, Phường 2 Đà Lạt

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Hồi — Đảng phái: Không

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Trung úy, Đại đội trưởng

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 04-05-1975

— Nay về cư trú tại: Số 42 Đường Xuân An, Phường 2 Đà Lạt, Lâm Đồng

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chỗ thời gian 12 tháng.

Lấn tay ngón trở phải



Đánh bản số: _____

Lập tại: _____

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Sa

Lê Hữu Sinh

Phú Khánh, ngày 24 tháng 6 năm 1981

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Am

THÀNH TẠO ĐUỐC HẠNH

To : AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
127 - PANJABHUM BUILDING
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK : 10120 - THAILAND

Date : December 01 , 1988

SUBJECT : REQUEST FOR IMMIGRATION TO THE UNITED STATES OF AMERICA
UNDER THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM .

Dear Sir ,

I undersigned : LE HUU SINH Sex a Male
Date and place of birth : September 13th 1944 At : Quang Tri
Residence address : 43 Xuan An - Phuong 3- Thanh Pho Da Lat
Tinh Lam Dong - Viet Nam .
Mailing address : Mr. LE HUY TUAN

Usual Occupation : Farmer and Carpenter .

BEFORE APRIL 30th 1975 :

Military Unit : Company 2/226/RF . Battalion 226/RF
APO 7045 Tuyen Duc Sector APO 4957 .

Rank : Lieutenant - Serial number : 64/204.739 .

AFTER APRIL 30th 1975 :

Re-education in detention Camp : From May 04th 1975 . To
June 22th 1981 .

Release From Camp : June 22th 1981 A30 - Tuy Hoa - Phu Khanh
Province .

Due to the difficulty of my situation , and based on the
authority of your organization and the spirit of the
Humanitarian act , I wish to request your assistance and
your intervention with Government of the Socialist Republic
of VietNam , in order that I and all my family may be
authorized to leave VietNam under the Program the Re-education
prisoners who were released from detention camp . Under the
Orderly Departure Program to immigrate to the United States
of America for the purpose of seeking a new life .

Relatives to accompany me :

No	FULL NAME	Date and Place of birth	Sex	MS	Relationship
1	NGUYEN THI TUYET-ANH	January 4th 1953 , Quang Nam	F	M	Wife
2	LE THI THANH BINH	April 24th 1975, Dalat	F	S	Daughter
3	LE XUAN VINH	April 13th 1982 Dalat	M	S	Son

Your consideration on the above to help and give my family
will be highly appreciated .

Respectfully Yours .

LE HUU SINH

(7) QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

-----0-0-0-----

ODP IV

December 01 1988

A.- BASIC IDENTIFICATION .

- 1) Name : LE-HUU-SINH Sex : Male
2) Other name : N/A
3) Date/Place of birth : September 13th 1944 At : Quang Tri
4) Residence address : 43 - Xuan An - Phuong 3 - DaLat
Lam Dong Province - Vietnam .
5) Mailing address : LE HUU SINH c/o LE HUY TUAN
6) Current occupation : Farmer and Carpenter .

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME

FULL NAME	Date/place of birth	Sex	MS	Relationship
1) LE HUU SINH	September 13th 1944 Quang Tri	M	M	M
2) NGUYEN THI TUYET ANH	January 4th ,1953 Quang Nam	F	M	Wife
3) LE THI THANH BINH	April 24th 1973 DaLat	F	S	Daughter
4) LE XUAN VINH	April 13th 1982 DaLat	M	S	Son

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM : N/A

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (Living/dead)

- 1) Father : LE HUU TIEN (dead)
2) Mother : NGUYEN THI QUYET (dead)
3) Wife : NGUYEN THI TUYET ANH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
4) Children : LE THI THANH BINH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
LE XUAN VINH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
5) Siblings : Brother LE HUU BANG (Living) - 7A Tran Phu DaLat-Lam Dong .
Sister LE THI DO (Living) - NamHa-XuanDinh-XuanLoc DongNai.
LE THI HUONG (Living) - NamHa-XuanDinh-XuanLoc DongNai.

E.- Employment by US Government Agencies or Other as organization of you or your spouse : N/A .

F.- Services with GVN or RVNAF by you or your spouse .

1/ Service with RVNAF .

- Name : LE HUU SINH
- Date : From September 04th 1967 To April 30th 1975 .
- Last rank : 1 Lieutenant - Serial No : 64/204.739 .
- Military Unit : Company 2/226/RF , Battalion 226/RF APO 7045
Tuyen Duc Sector APO 4957 .
- Name of supervisor : Major HO VAN THE Battalion Commander
Colonel NGUYEN HOP DOAN Tuyen Duc Sector
Chief .

Training : Thu Duc Service Officer school APO 4100
Twenty Sixth training Course .

- Reason for separation : April 30th 1975 .

2/ Service with CVM .

- Name : NGUYEN THI TUYET ANH
- Date : From December 18th 1972 To April 30th 1975 .
- Last rank : Secretary typist .
- Ministry office : Education Service of Tuyen Duc Province
- Name Supervisor : Mr TRAN NHO MAI , Education service of Tuyen Duc province Director .
- Reason for separation : April 30th 1975

G.- Training outside VietNam of you or your spouse : N/A

H.- Re-education of your or your spouse

- Name : LE HUU SINH
- Time in re-education : From May 4th 1975 To June 22th 1981
- Total time in re-education : 6 years-1 month and 18 days
- Still in re-education : No .

I.- Any additional remarks .

- 1) Address : The residence address at : 43 Xuan An ,Phuong 3, DaLat is the address of my household . I actually live at TaySon elementary school - DaLat .
- 2) Occupation : From 1981 to 1986 : Farmer
1986 to 1988 : Carpenter . I work usually under contract with Palace Hotel, Ngoc Lan Hotel and TaySon elementary school DaLat .
- 3) My marriage certificate and birth certificate was lost in the time of withdrawal . So my actual birth certificate is a collective certificate .
- 4) In 1984 and 1987 , I had sent for my record to your office and now I send one more and Mrs KHUC MINH THO - PO - BOX 54.55 ARLINGTON - VA 22.205.0635 . And another to Former Political prisoners of Communist VietNam association PO.BOX 635 Westminister CA 92684 0635 USA .

Completely replying on your generosity what to do more for this purpose, please .

J : Please list here all documents attached to this questionnaire .

- Release certificate
- Marriage certificate .
- 4 Birth certificates attached photos .
- 2 ID Cards .
- Assignment order .

Respectfully Yours ,


LE HUU SINH

ĐƠN LẬP HÔN GIẤY HÔN THỦ TRỄ HẠN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Phường 3 (Ban Tư Pháp)

Tôi tên: LÊ HỮU SINH, sinh ngày 13/7/1944; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250272057 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 21 tháng 9 năm 1984.

Cùng vợ là NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH, sinh ngày 4/1/1953, nguyên quán Quảng Nam; giấy CMND số 250029955 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 20/6/1978.

Vợ chồng chúng tôi thường trú tại: 43 Xuân An - Phường 3 - TP. Đà Lạt.

Trân trọng kính trình quý cơ quan:

Vợ chồng chúng tôi đã làm lễ cưới ngày 15/2/1974 (nhằm ngày 24 tháng 01 Giáp Dần) tại số 43 Xuân An, và sau đó đã làm giấy hôn thú đã sống với nhau 14 năm qua và đã có chung 2 đứa con.

Nhưng vì biến cố chiến tranh, phải chạy thoát thân đêm 2/4/1975 nên đã làm mất giấy hôn thú và các giấy tờ khác tại một địa điểm trên quốc lộ 1 cách thị xã Phan thiết khoảng 20 km về phía Nam.

Vợ chồng chúng tôi nhờ ba người có mặt trong ngày cưới và biết rõ hoàn cảnh của chúng tôi làm chứng.

• Người chứng thứ nhất: Ông LÊ BÁ VINH, sinh ngày 24/9/1937; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042616 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 27/7/1976.

• Người chứng thứ hai: Ông CAO YẾT, sinh ngày 4/5/1937; nguyên quán Huế; giấy CMND số 250316494 do Ty Công an Lâm Đồng cấp ngày 2/10/1987.

• Người chứng thứ 3: Bà HUYỀN THỊ LANH, sinh ngày 8/2/1942; nguyên quán Bình Trị Thiên, giấy CMND số 250042343 do Ty công an Lâm Đồng cấp ngày 23/7/1978.

Vậy, chúng tôi làm đơn này kính tri quý cơ quan được rõ và cho phép chúng tôi được lập bản hôn thú trễ hạn để tiện dùng sau này.

Trân trọng kính chào.

Người làm chứng
(đã ký)

Thứ nhất: LÊ BÁ VINH

Thứ hai: CAO YẾT

Thứ ba: HUYỀN THỊ LANH

Xác nhận của Tổ dân phố

Vợ chồng anh LÊ HỮU SINH và chị NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH cùng sống chung trong 1 hộ tại tổ Dân phố chúng tôi.

TP. TỔ DÂN PHỐ PHƯƠNG III

Đã ký: LÊ SỸ

Đà Lạt, ngày 8 tháng 9 năm 1988

Người làm đơn

(đã ký)

Chồng: LÊ HỮU SINH

Vợ: NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH

UBND. PHƯỜNG 3 CHỨNG THỰC:

Ô. LÊ HỮU SINH và B. NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH, hiện đang sống chung với 02 người con thường trú tại P.3.

Đà Lạt, ngày 9 tháng 9 năm 1988

TH. UBND PHƯỜNG III

KT. CHU TÍNH - PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: BÙI VĂN PHONG

SAD Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 1 năm 1968
 CHU TỊCH QUÂN PHƯƠNG 3
 KT CHỦ TỊCH
 UV THỦ XỨ

KT CHỦ-TỊCH
UV. THƯ-KÝ



Chị Hương

đã sống với nhau từ năm qua và đã có chúng 2 đứa con.
thành (Giáp Đen) tại số 13 Xuân An và sau đó đã làm giấy hôn thú
Vợ chồng chúng tôi đã làm ra một ngày 12/2/1971 (nhằm ngày 2)

Trên quốc lộ 1 cách thị xã Phan Thiết khoảng 20 km về phía Nam.

Người chứng thư này: Ông LÊ BÀ VINH, sinh ngày 24/9/1937;
nguyên quán Bình Trị Thiên, gia đình ở 200P.6/10 do Ủy ban
Lâm Đồng cấp ngày 27/1/1968.

1. Người công tác tại: BẾ HUYNH THỊ LAMM, sinh ngày 8/5/1987;
2/10/1987.
4. Người công tác tại: Ông GHO KHT, sinh ngày 8/5/1987;
địa chỉ: 12/10/1987.
địa chỉ: 12/10/1987.

Vậy, chúng tôi lần đầu này kính gửi đủ cơ quan được đề cập
Lam Đồng cấp ngày 23/1/1976.

Người làm chứng
Bảng, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Trần Trọng Kim chôn

(đã ký)
 The name : LÊ BÀ VINH
 (đã ký)
 The name : CAO YẾT
 (đã ký)
 The name : HUỖNH THỊ LÂN
 (đã ký)
 The name : LÊ HUU BINH
 (đã ký)
 The name : NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH
 (đã ký)
 The name : NGUYỄN THỊ LÂN

0. LÊ HỮU SINH SỐ 2. NGUYỄN THỊ
 TUYẾT ANH, hiện đang sống
 ở người con trưởng tại 3.

[illegible]

VIỆT NAM CỘNG HÒA
VĂN HÓA GIÁO DỤC và T.N.

HOIT-UNG-TH
HOIT-UNG-TH

Quyết định số 43-VHGD/TV/HQ/TC/Q
ngày 16.11.1974 Hợp thức hóa tình trạng
hành chính của cô RCom- Lanne thư ký
công nhật B2/1 tổng sự tại Sở học Chánh
Phủ Bôn và 9 nhân viên công nhật khác
tổng sự tại các cơ quan thuộc Bộ văn hóa
Giáo dục và Thanh niên ./-

ÔNG TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC và THANH NIÊN

- Chiếu

UYẾT - () INH

- Điều I : Để hợp thức hóa, nay tuyển dụng thiết thọ 10 nhân viên
công nhật có tên dưới đây tổng sự tại các cơ quan thuộc
Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên kể từ ngày chính thức
nhận việc :

TT	HỌ và TÊN	Cấp bằng	Chức vụ	Ngày	Chức vụ
	ngày và nơi sinh			nhận việc	Chức vụ

SỞ HỌC CHÁNH TUYỂN ĐỨC

04:	Cô Trần thị Phục	15.08.1950- Dalat	CC Tú tài I	TKCN B2/2	01.03.1973:
05:	Cô Nguyễn.T.Tuyết Anh	04.01.1953- Điện Bàn	tứ nk 68-69	TKCN B2/1	-at-
	Quảng Nam		STB II.75/20:		

- Điều 2 :

- Điều 3 : Lương bổng của các đương sự do Ngân sách Quốc gia
(cơ quan sử dụng dài thọ) .

- Điều 4 : Thứ trưởng, Phụ tá đặc biệt Tổng Trưởng, Đồng lý văn
phòng và Tổng thư ký Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên,
chiếu nhiệm vụ thi hành Quyết định này ./-

- Chiếu hội công vụ
ngày 14.12.1973

- KẾTRC ngày 26.12.1973

SAIGON, ngày 16 tháng 01 năm 1974
TUN, Tổng trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục và
Thanh niên

SAO Y BẢN CHÍNH
Chủ sự phòng nhân viên
Hành chính và qui chế
Ký tên và dấu: Trần quang Vinh

Đồng lý văn phòng
Ký tên: NGUYỄN XUÂN HUỆ

Phó bản
Phó Tổng thư ký
Ký tên: Phạm đình Thắng

Nơi nhận :
- Sở học chánh Tuyên Đức

VIỆT NAM CỘNG HÒA
CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN
Số: 0632/QTNV/P.2

(BÍCH SAO KÍNH GỬI
Đ. Trương Ty Văn hóa Giáo dục và Thanh niên
" để tổng đạt đương sự "
Dalat, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Tổng thư ký
Cơ quan Chính quyền tỉnh Tuyên Đức
Ký tên và đóng dấu: TRƯƠNG THOẠI BỬU

KT. CHỦ-TỊCH
PHÓ CHỦ-TỊCH



ĐỀ TÀI: ĐIỀU KIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM

Đầu văn Phong

НИИ () - ТЭУИ

Điều 1 : Về hợp thức hóa, nay tuyên dụng thật tại 10 nhân viên công nhất có tên dưới đây tổng sự tại các cơ quan thuộc Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên kể từ ngày thành lập nhân viên :

ST	HỌ VÀ TÊN	Ngày và nơi sinh	Quê hương	Chức vụ	Ngày nhận việc	Ngày
04:06	Trần Thị Ngọc	12.08.1950 - Hải Phòng	00 Tả I	TKVN B/L	01.03.1973	
03:06	Nguyễn T. Tuyết Anh	02.01.1957 - Mận B/L	00 Tả I	TKVN B/L	01.03.1973	
02:06	Trần Thị Ngọc	12.08.1950 - Hải Phòng	00 Tả I	TKVN B/L	01.03.1973	
01:06	Trần Thị Ngọc	12.08.1950 - Hải Phòng	00 Tả I	TKVN B/L	01.03.1973	

..... : Điểm 2
 - Điểm 3 : Trưởng ban các đảng vụ do Ngân sách Quốc gia (có quan hệ đảng địa phương)
 - Điểm 4 : Thứ trưởng, Phụ tá đặc biệt Tổng Trưởng, Tổng lý văn phòng và Tổng thư ký Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, chính nhiệm vụ tại hành quyết định này. /-

SAIGON, ngày 16 tháng 01 năm 1974
TUN, Tổng trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục và

- Số học chính Tuyên bố

Hội nhân :

Kỷ tên và dân: Trần Quang Vinh

Nhân chứng và qui chế

Ghi sự phỏng nhận viên

SAO Y HÂN CHỈNH

Thần nien

Kỷ tên: NGUYỄN XUÂN HUỆ

Gồng lý văn phòng

Phước Long tu kỷ

Kỷ tên: Phạm Đình Thôn

Thủ bản

VIỆT NAM CỘNG HÒA
CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN
Số: 003/TN-V.3

() KINH BAO KINH GỬI
Ô. Trưởng Ty Văn Hòe Giáo dục và Thanh niên
" là tổng đại lượng m"
Báo, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Tổng thư ký
Cơ quan chính quyền giáo dục và Thanh niên

Số 696 /GRT

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại Cải tạo A.30 Ty Công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 1017/ĐV3. 5-6-1981-Ty Công an Phú Khánh
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: LÊ HỮU SINH — Bí danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

— Sinh ngày 13 tháng 09 năm 1944

— Sinh quán: Bích La đông, xã Triệu Thành, Triệu Phong, Bình Trị Thiên

— Trú quán: 43 Khe Mân An, Phường 2 Đà Lạt

— Quốc tịch: Việt Nam — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Hồi — Đảng phái: Không

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: Trung úy, Đại đội trưởng

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 04-05-1975

— Nay về cư trú tại: Số 42 Đường Xuân An, Phường 2 Đà Lạt, Lâm Đồng

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chỗ thời gian 12 tháng.

Lấn tay ngón trở phải



Đánh bản số: _____

Lập tại: _____

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Sa

Lê Hữu Sinh

Phú Khánh, ngày 24 tháng 6 năm 1981

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Am

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

To : AMERICAN EMBASSY
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
127 - PANJABHUM BUILDING
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK : 10120 - THAILAND

Date : December 01 , 1988

SUBJECT : REQUEST FOR IMMIGRATION TO THE UNITED STATES OF AMERICA
UNDER THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM .

Dear Sir ,

I undersigned : LE HUU SINH Sex a Male
Date and place of birth : September 13th 1944 At : Quang Tri
Residence address : 43 Xuan An - Phuong 3- Thanh Pho Da Lat
Tinh Lam Dong - Viet Nam .
Mailing address : Mr. LE HUY TUAN -

Usual Occupation : Farmer and Carpenter .

BEFORE APRIL 30th 1975 :

Military Unit : Company 2/226/RF . Battalion 226/RF
APO 7045 Tuyen Duc Sector APO 4957 .

Rank : Lieutenant - Serial number : 64/204.739 .

AFTER APRIL 30th 1975 :

Re-education in detention Camp : From May 04th 1975 . To
June 22th 1981 .

Release From Camp : June 22th 1981 A30 - Tuy Hoa - Phu Khanh
Province .

Due to the difficulty of my situation , and based on the
authority of your organization and the spirit of the
Humanitarian act , I wish to request your assistance and
your intervention with Government of the Socialist Republic
of VietNam , in order that I and all my family may be
authorized to leave VietNam under the Program the Re-education
prisoners who were released from detention camp . Under the
Orderly Departure Program to immigrate to the United States
of America for the purpose of seeking a new life .

Relatives to accompany me :

No	FULL NAME	Date and Place of birth	Sex	MS	Relationship
1	NGUYEN THI TUYET-ANH	January 4th 1953 , Quang Nam	F	M	Wife
2	LE THI THANH BINH	April 24th 1975, Dalat	F	S	Daughter
3	LE XUAN VINH	April 13th 1982 Dalat	M	S	Son

Your consideration on the above to help and give my family
will be highly appreciated .

Respectfully Yours .

LE HUU SINH

(7) QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

-----0-0-0-----

ODP IV

December 01 1988

A.- BASIC IDENTIFICATION .

- 1) Name : LE-HUU-SINH Sex : Male
2) Other name : N/A
3) Date/Place of birth : September 13th 1944 At : Quang Tri
4) Residence address : 43 - Xuan An - Phuong 3 - DaLat
Lam Dong Province - Vietnam .
5) Mailing address : LE HUU SINH c/o LE HUY TUAN
6) Current occupation : Farmer and Carpenter .

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME

FULL NAME	Date/place of birth	Sex	MS	Relationship
1) LE HUU SINH	September 13th 1944 Quang Tri	M	M	
2) NGUYEN THI TUYET ANH	January 4th ,1953 Quang Nam	F	M	Wife
3) LE THI THANH BINH	April 24th 1973 DaLat	F	S	Daughter
4) LE XUAN VINH	April 13th 1982 DaLat	M	S	Son

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM : N/A

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (Living/dead)

- 1) Father : LE HUU TIEN (dead)
2) Mother : NGUYEN THI QUYET (dead)
3) Wife : NGUYEN THI TUYET ANH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
4) Children : LE THI THANH BINH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
LE XUAN VINH (Living) - 43 Xuan An , DaLat .
5) Siblings : Brother LE HUU BANG (Living) - 7A Tran Phu DaLat-Lam Dong .
Sister LE THI DO (Living) - NamHa-XuanDinh-XuanLoc DongNai.
LE THI HUONG (Living) - NamHa-XuanDinh-XuanLoc DongNai.

E.- Employment by US Government Agencies or Other as organization of you or your spouse : N/A .

F.- Services with GVN or RVNAF by you or your spouse .

1/ Service with RVNAF .

- Name : LE HUU SINH
- Date : From September 04th 1967 To April 30th 1975 .
- Last rank : 1 Lieutenant - Serial No : 64/204.739 .
- Military Unit : Company 2/226/RF , Battalion 226/RF APO 7045
Tuyen Duc Sector APO 4957 .
- Name of supervisor : Major HO VAN THE Battalion Commander
Colonel NGUYEN HOP DOAN Tuyen Duc Sector
Chief .

Training : Thu Duc Service Officer school APO 4100
Twenty Sixth training Course .

- Reason for separation : April 30th 1975 .

2/ Service with CVM .

- Name : NGUYEN THI TUYET ANH
- Date : From December 18th 1972 To April 30th 1975 .
- Last rank : Secretary typist .
- Ministry office : Education Service of Tuyen Duc Province
- Name Supervisor : Mr TRAN NHO MAI , Education service of Tuyen Duc province Director .
- Reason for separation : April 30th 1975

G.- Training outside VietNam of you or your spouse : N/A

H.- Re-education of your or your spouse

- Name : LE HUU SINH
- Time in re-education : From May 4th 1975 To June 22th 1981
- Total time in re-education : 6 years-1 month and 18 days
- Still in re-education : No .

I.- Any additional remarks .

- 1) Address : The residence address at : 43 Xuan An ,Phuong 3, DaLat is the address of my household . I actually live at TaySon elementary school - DaLat .
- 2) Occupation : From 1981 to 1986 : Farmer
1986 to 1988 : Carpenter . I work usually under contract with Palace Hotel, Ngoc Lan Hotel and TaySon elementary school DaLat .
- 3) My marriage certificate and birth certificate was lost in the time of withdrawal . So my actual birth certificate is a collective certificate .
- 4) In 1984 and 1987 , I had sent for my record to your office and now I send one more and Mrs KHUC MINH THO - PO - BOX 54.55 ARLINGTON - VA 22.205.0635 . And another to Former Political prisoners of Communist VietNam association PO.BOX 635 Westminister CA 92684 0635 USA .

Completely replying on your generosity what to do more for this purpose, please .

J : Please list here all documents attached to this questionnaire .

- Release certificate
- Marriage certificate .
- 4 Birth certificates attached photos .
- 2 ID Cards .
- Assignment order .

Respectfully Yours ,


LE HUU SINH

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form 06/27/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

Fr. Le ...